TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN THỐNG NHẤT** **TỈNH ĐỒNG NAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **82**/2021/HS-ST
Ngày: 15/6/2021.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THỐNG NHẤT – TỈNH ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phan Ngọc Thành

Các hội thẩm nhân dân: Ông Trần Đại Nghĩa

Ông Nguyễn Thành Lam

***- Thư ký phiên tòa*:** Bà Đinh Thị Tuyết Hạnh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thống Nhất.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thống Nhất tham gia phiên tòa*:** Bà Trần Thủy Hải - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 6 năm 2021, tại Hội trường A – Tòa án nhân dân huyện Thống Nhất, tỉnh Đồng Nai xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 108/2021/TLST-HS ngày 27 tháng 5 năm 2021 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 93/2021/QĐXXST-HS ngày 01 tháng 6 năm 2021 đối với bị cáo:

1. Họ và tên: **Nguyễn Duy T**, sinh năm: 1989 tại: Đồng Nai; Nơi cư trú: Tổ N, khu phố T, thị trấn D, huyện T, tỉnh Đồng Nai; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Thiên chúa; Trình độ học vấn: 08/12; Nghề nghiệp: Không; Con ông: Nguyễn Duy L, sinh năm: 1953 (đã chết) và bà: Lê Thị A, sinh năm: 1961; Bị cáo có vợ: Lưu Thị Lệ Q (đã ly hôn), có 01 người con sinh năm 2014.

Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị bắt, tạm giữ, tạm giam tại Nhà tạm giữ thuộc Công an huyện Thống Nhất từ ngày 10/09/2020 đến nay.

2. Họ và tên: **Nguyễn Quốc D**, sinh năm: 1981 tại: Đồng Nai; Nơi cư trú: Ấp L, xã B, huyện T, tỉnh Đồng Nai; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Thiên chúa; Trình độ học vấn: 12/12; Nghề nghiệp: Không; Con ông: Nguyễn Văn C, sinh năm: 1942 (đã chết) và bà: Phùng Thị S, sinh năm: 1943; Bị cáo có vợ: Nguyễn Thị Hồng N, sinh năm: 1985; Bị cáo có 04 người con, con lớn nhất sinh năm 2007, con nhỏ nhất sinh năm 2019.

Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị bắt, tạm giam tại Nhà tạm giữ thuộc Công an huyện T từ ngày 08/04/2021 đến nay.

(Các bị cáo có mặt tại phiên tòa)

* *Người làm chứng:*

1. Anh **Lê Thanh B**, sinh năm: 1984. (Vắng mặt)

Nơi cư trú: Ấp N, xã B, huyện T, tỉnh Đồng Nai.

2. Anh **Diệp Duy Q**, sinh năm: 1985. (Vắng mặt)

Nơi cư trú: Ấp N, xã B, huyện T, tỉnh Đồng Nai.

3. Bà **Lê Thị A**, sinh năm: 1961. (Có mặt)

Nơi cư trú: Khu phố T, thị trấn D, huyện T, tỉnh Đồng Nai.

4. Chị **Nguyễn Thị Hồng N**, sinh năm: 1985. (Có mặt)

Nơi cư trú: Ấp L, xã B, huyện T, tỉnh Đồng Nai.

5. Anh **Nguyễn Duy T**, sinh năm: 1985. (Có mặt)

Nơi cư trú: Khu phố T, thị trấn D, huyện T, tỉnh Đồng Nai.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 15 giờ 15 phút, ngày 10 tháng 9 năm 2020, tại khu dân cư A1 – C1 thuộc khu phố L, thị trấn D, huyện T, tỉnh Đồng Nai. Công an thị trấn D bắt quả tang Nguyễn Duy T có hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy, thu giữ 02 (hai) túi nilon hàn kín chứa tinh thể màu trắng (nghi là ma túy); 07 đoạn ống nhựa màu trắng hàn kín chứa tinh thể màu trắng (nghi là ma túy); một điện thoại di động màu đen hiệu NOKIA; 01 xe mô tô hiệu Honda Wave, màu xanh, biển số 60S6 - 2577. *(bút lục số 01 - 07)*

Quá trình điều tra xác định:

Nguyễn Duy T và Nguyễn Quốc D đều là đối tượng nghiện ma túy và đã nhiều lần mua ma túy về sử dụng chung. Sáng ngày 10/09/2020, sau khi T phối hợp với D lừa dối chị Nguyễn Thị Hồng N, sinh năm 1985, ngụ tại ấp L, xã B, huyện T, tỉnh Đồng Nai (vợ của D) lấy được số tiền 1.500.000 đồng từ chị N thì D nói với T trích ra 300.000 đồng đi mua túy về để sử dụng chung. T đồng ý điều khiển xe môtô 60S6 – 2577 đến gần khu vực trạm thu phí T thuộc xã T, huyện T, tỉnh Đồng Nai nhờ 01 đối tượng lạ mặt (không xác định được nhân thân) mua 700.000 đồng ma túy (T mua thêm 400.000 đồng ma túy). Sau khi nhận 01 gói giấy đựng ma túy T không kiểm tra số lượng mà cất dấu vào túi áo ở ngực trái rồi điều khiển xe quay về. Khi về tới ngã 4 D thì T gặp D đang chờ và cả 2 cùng điều khiển xe đến lô cao su gần khu A1 – C1 thuộc khu phố L, thị trấn D, huyện T, tỉnh Đồng Nai để cùng sử

dụng ma túy. Tại đây T lấy khoảng 800.000 đồng còn lại (D nhờ T mua 300.000 ma túy, cho T 400.000 đồng và T dùng 400.000 đồng này mua ma túy) đưa lại cho D đồng thời lấy ma túy ra để cả 2 cùng sử dụng nhưng chưa kịp sử dụng thì phát hiện lực lượng Công an đi đến, Nguyễn Quốc D bỏ chạy; riêng Nguyễn Duy T bị bắt quả tang cùng tang vật như trên. Riêng Nguyễn Quốc D ngày 02/12/2020 ra đầu thú và thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như đã nêu trên. *(bút lục số 50 – 82; 159 - 162)*

Căn cứ Kết luận giám định số: 2191/KLGĐ-PC09 ngày 16/09/2020 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Đ kết luận:

"- Mẫu tinh thể màu trắng (Ký hiệu M1) được niêm phong gửi đến giám định **là ma túy**, có khối lượng 0,1324 gam, loại **Methamphetamine**

- Mẫu tinh thể màu trắng (Ký hiệu M2) được niêm phong gửi đến giám định **là ma túy**, có khối lượng 0,3362 gam, loại **Heroin**" *(bút lục số 39 – 44)*

Quá trình điều tra bị can Nguyễn Duy T và Nguyễn Quốc D đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như đã nêu trên. *(bút lục số 50 -74, 159 - 162)*

Vật chứng vụ án gồm:

- Mẫu vật còn lại sau giám định có khối lượng: 0,3025 gam ma túy loại **Heroin** và 0,0938 gam ma túy loại **Methamphetamine** được niêm phong trong phong bì kí hiệu số 2191/KLGĐ-PC09 cần tịch thu tiêu hủy. *(bút lục số 42)*

- Xe môtô 60S6 – 2577 của anh Nguyễn Duy T (anh trai bị cáo T) cho T mượn, anh T không biết T sử dụng xe làm phương tiện phạm tội, xe có giấy tờ hợp lệ. Cơ quan CSĐT Công an huyện T đã trao trả cho chủ sở hữu. *(bút lục số 89 - 95)*

- 01 điện thoại Nokia màu đen của Nguyễn Duy T sử dụng liên lạc Nguyễn Quốc D trong quá trình mua ma túy cần tịch thu sung công quỹ. *(bút lục số 88)*

Tại cáo trạng số: 60/CT-VKS.TN ngày 27/5/2021 Viện kiểm sát nhân dân huyện T truy tố Nguyễn Duy T và Nguyễn Quốc D phạm tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy" theo quy định tại điểm i khoản 1 Điều 249 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên quan điểm truy tố, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm i khoản 1 Điều 249 Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Nguyễn Duy T từ 02 (Hai) năm đến 02 (Hai) năm 06 (Sáu) tháng tù; Nguyễn Quốc D từ 02 (Hai) năm đến 02 (Hai) năm 06 (Sáu) tháng tù.

Về biện pháp tư pháp:

- Đề nghị hội đồng xét xử tịch thu tiêu hủy Mẫu vật còn lại sau giám định có khối lượng: 0,3025 gam ma túy loại **Heroin** và 0,0938 gam ma túy loại **Methamphetamine** được niêm phong trong phong bì kí hiệu số 2191/KLGĐ-PC09 . *(Biên bản bàn giao vật chứngngày 27/5/2021 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện T)*

- Xe môtô 60S6 – 2577 của anh Nguyễn Duy T (anh trai bị cáo T) cho T mượn, anh T không biết T sử dụng xe làm phương tiện phạm tội, xe có giấy tờ

hợp lệ. Cơ quan CSĐT Công an huyện Thống Nhất đã trao trả cho chủ sở hữu. *(bút lục số 89 - 95)*

- Đề nghị hội đồng xét xử tịch thu xung công 01 điện thoại Nokia màu đen của Nguyễn Duy T sử dụng liên lạc Nguyễn Quốc D trong quá trình mua ma túy.*(Biên bản bàn giao vật chứng ngày 27/5/2021 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện T)*

* Lời nói sau cùng của các bị cáo: Các bị cáo xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng:

Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện T, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện T, kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về nội dung:

Tại phiên tòa hôm nay, các bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình đúng như bản cáo trạng mà Viện kiểm sát đã truy tố, xét lời khai của bị cáo là phù hợp với các tài liệu có trong hồ sơ, đủ cơ sở kết luận:

Ngày 10/09/2020, sau khi Nguyễn Quốc D và Nguyễn Duy T lừa dối chị Nguyễn Thị Hồng N (vợ của D) lấy số tiền 1.500.000 đồng thì D kêu T lấy 300.000 đồng đi mua túy về để sử dụng chung. T đồng ý và lấy thêm 400.000 đồng (từ tiền lừa chị Nhung) rồi điều khiển xe môtô 60S6 – 2577 đến gần khu vực trạm thu phí T thuộc xã T, huyện T, tỉnh Đồng Nai nhờ 01 đối tượng lạ mặt (không rõ tên tuổi, địa chỉ) mua hết 700.000 đồng ma túy gồm 0,3362 gam **Heroin** và 0,1324 gam **Methamphetamine.** Sau khi mua được ma túy T cùng D đến khu vực lô cao su gần khu A1 – C1 thuộc khu phố L, thị trấn D, huyện T, tỉnh Đồng Nai để cùng nhau sử dụng ma túy và T trả lại cho D số tiền 800.000 đồng còn lại. Đến khoảng 15 giờ 15 phút ngày 10/09/2020, khi cả 2 đang lấy ma túy ra để sử dụng thì bị lực lượng Công an phát hiện bắt quả tang T cùng tang vật. Riêng Nguyễn Quốc D chạy thoát đến ngày 02/12/2020 ra đầu thú.

Như vậy, đủ cơ sở kết luận các bị cáo Nguyễn Duy T và Nguyễn Quốc D phạm tội *"Tàng trữ trái phép chất ma túy"* theo điểm i khoản 1 Điều 249 Bộ luật Hình sự như Viện kiểm sát đã truy tố là có căn cứ chính xác, đúng quy định pháp luật.

Xét các bị cáo là người có đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự. Về nhận thức, bị cáo hoàn toàn biết ma tuý là loại độc dược gây nghiện do Nhà nước độc quyền quản lý, nghiêm cấm các hoạt động sản xuất, tàng trữ, mua bán, vận chuyển trái phép. Nhưng vì thỏa mãn cơn nghiện của bản thân nên các bị cáo vẫn cố tình phạm tội, bất chấp hậu quả. Hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội. Ma túy là một loại chất độc gây ra tác hại rất lớn về nhiều mặt cho xã hội, làm ảnh hưởng đến sức khỏe của con người và cũng là mầm mống lan truyền căn bệnh của xã hội như HIV, ... Ma túy còn là nguyên nhân dẫn đến những loại tội phạm khác. Do vậy, việc đưa các bị cáo ra xét xử là cần thiết, cần có mức án đủ nghiêm, tương xứng với hành vi của các bị cáo gây ra nhằm cải tạo, giáo dục răn đe phòng ngừa chung cho xã hội.

[3] Xét nhân thân bị cáo và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ:

* Tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự đối với bị cáo: Không.

* Những tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với các bị cáo: Các bị cáo thật thà khai báo, ăn năn hối cải theo điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Riêng bị cáo D được hưởng thêm tình tiết đầu thú theo khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

[4] Về hình phạt:

Trong vụ án này các bị cáo là người nghiện ma túy vì muốn có tiền để mua ma túy sử dụng nên D và T đã bàn bạc lừa chị Nhung là vợ của bị cáo D lấy tiền mua ma túy. Sau khi có tiền T là người trực tiếp đi mua ma túy về để sử dụng chung và các bị cáo cũng đã từng sử dụng chung ma túy nên không tách ra cụ thể số ma túy của riêng từng bị cáo mà xem số ma túy này là của chung hai bị cáo. Vì vậy, xem xét nhân thân cũng như tính chất mức độ hành vi của bị các bị cáo, các tình tiết giảm nhẹ mà có hình phạt tương xứng. Bị cáo T là người trực tiếp đi mua ma túy nên hình phạt của T phải cao hơn so với bị cáo D, bản thân bị cáo D đã ra đầu thú nên hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ ở khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

[5] Về xử lý vật chứng và các biện pháp tư pháp: Áp dụng Điều 46 Bộ Luật Hình sự; khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự:

- Tịch thu tiêu hủy mẫu vật còn lại sau giám định có khối lượng: 0,3025 gam ma túy loại **Heroin** và 0,0938 gam ma túy loại **Methamphetamine** được niêm phong trong phong bì kí hiệu số 2191/KLGĐ-PC09. *(Biên bản bàn giao vật chứng ngày 27/5/2021 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện T)*

- Xe môtô 60S6 – 2577 của anh Nguyễn Duy T (anh trai bị cáo T) cho T mượn, anh T không biết T sử dụng xe làm phương tiện phạm tội, xe có giấy tờ hợp lệ. Cơ quan CSĐT Công an huyện T đã trao trả cho chủ sở hữu. *(bút lục số 89 - 95)*

- Tịch thu xung công 01 điện thoại Nokia màu đen của Nguyễn Duy T sử dụng liên lạc Nguyễn Quốc D trong quá trình mua ma túy. *(Biên bản bàn giao vật chứng ngày 27/5/2021 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện T)*

[6] Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng Hình sự 2015; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ

Quốc Hội.

Mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 58, điểm i khoản 1 Điều 249 Bộ luật Hình sự.

Tuyên bố: Bị cáo Nguyễn Duy T; Nguyễn Quốc D phạm tội *"Tàng trữ trái phép chất ma túy"*.

1. Về hình phạt: Xử phạt

+ Bị cáo Nguyễn Duy T **01 (Một) năm 06 (Sáu) tháng** tù. Thời hạn tù tính từ ngày 10/9/2020.

+ Bị cáo Nguyễn Quốc D **01 (Một) năm 03 (Ba) tháng** tù. Thời hạn tù tính từ ngày 08/4/2021.

2. Về biện pháp tư pháp: Áp dụng Điều 46 Bộ luật Hình sự; khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự.

- Tịch thu tiêu hủy mẫu vật còn lại sau giám định có khối lượng: 0,3025 gam ma túy loại **Heroin** và 0,0938 gam ma túy loại **Methamphetamine** được niêm phong trong phong bì kí hiệu số: 2191/KLGĐ-PC09. *(Theo biên bản bàn giao vật chứng ngày 27/5/2021 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thống Nhất)*

- Tịch thu xung công 01 điện thoại Nokia màu đen của Nguyễn Duy T sử dụng liên lạc Nguyễn Quốc D trong quá trình mua ma túy. *(Biên bản bàn giao vật chứng ngày 27/5/2021 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện T)*

3. Về án phí:

Căn cứ khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng Hình sự 2015; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

Buộc bị cáo Nguyễn Duy T, bị cáo Nguyễn Quốc D mỗi bị cáo phải nộp 200.000 đồng tiền án phí hình sự sơ thẩm.

Các bị cáo được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày tính từ ngày tuyên án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Phan Ngọc Thành

***Nơi nhận**:*
- TAND tỉnh Đồng Nai;
- VKSND tỉnh Đồng Nai;
- VKSND huyện T;
- Công an huyện T;
- CC.THADS huyện T;
- Bị cáo;
- Lưu HS.